

Số: 900/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đủ điều kiện dự thi Tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp
cho học sinh khóa 2014 và các khóa cũ thi lại
kỳ thi tháng 7 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDĐT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Điều lệ trường Cao đẳng”;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BGD&ĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 659/QĐ-LTT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp khóa 2014 và các khóa cũ thi lại;

Căn cứ biên bản buổi họp xét điều kiện dự thi tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng xét điều kiện dự thi Trung cấp chuyên nghiệp khóa 2014 và các khóa cũ thi lại;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo - Giới thiệu việc làm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận 130 học sinh khóa 2014 và các khóa cũ đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp, cụ thể như sau:

1. Khóa 2014 : 119 học sinh
2. Khóa cũ thi lại : 11 học sinh (có danh sách kèm theo)

Điều 2. Học sinh được dự thi phải thực hiện đúng theo lịch thi và quy chế thi hiện hành.

Điều 3. Các học sinh có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, P.TS-ĐT-GTVL.

HIỆU TRƯỞNG
HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG KỸ THUẬT
LÝ TỰ TRỌNG
TP. HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Văn Dũng

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH HỌC SINH KHÓA 2014 ĐỦ ĐIỀU KIỆN
DỰ THI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP
Kỳ thi tháng 7/2016

*(Kèm theo Quyết định số 900 /QĐ-LTT-ĐT ngày 23 tháng 7 năm 2016
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)*

STT	Mã học sinh	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
1	14000188	Nguyễn Phạm Hoàng	Quân	Nam	12/07/1996	14TCCP01	
2	14000136	Lê Hoàng	Bảo	Nam	25/12/1995	14TCCT01	
3	14000137	Lê Hồ Bảo	Duy	Nam	28/03/1992	14TCCT01	
4	14000138	Nguyễn Hoàng	Duy	Nam	01/01/1996	14TCCT01	
5	14000143	Hà Triệu	Khang	Nam	04/06/1996	14TCCT01	
6	14000144	Huỳnh Thanh	Lịch	Nam	02/09/1996	14TCCT01	
7	14000147	Huỳnh Tấn	Mạnh	Nam	04/06/1996	14TCCT01	
8	14000148	Huỳnh Văn	Nghĩa	Nam	05/10/1994	14TCCT01	
9	14000150	Lê Minh	Nhật	Nam	17/08/1993	14TCCT01	
10	14000152	Phạm Tấn	Phát	Nam	14/04/1995	14TCCT01	
11	14000155	Lê Thanh	Quân	Nam	11/01/1996	14TCCT01	
12	14000156	Nguyễn Minh	Quân	Nam	16/01/1996	14TCCT01	
13	14000157	Đoàn Văn	Quất	Nam	26/06/1996	14TCCT01	
14	14000158	Võ Thành	Quốc	Nam	18/05/1995	14TCCT01	
15	14000159	Phạm Hữu	Sang	Nam	22/02/1992	14TCCT01	
16	14000160	Đặng Thành	Sĩ	Nam	20/04/1994	14TCCT01	
17	14000167	Nguyễn Trường	Thịnh	Nam	14/08/1996	14TCCT01	
18	14000174	Đoàn Ngọc	Trường	Nam	05/05/1996	14TCCT01	
19	14000177	Lê Ngọc	Vũ	Nam	18/01/1996	14TCCT01	
20	14000015	Nguyễn Đức	Anh	Nam	05/11/1996	14TCĐC01	
21	14000016	Đinh Văn	Bá	Nam	13/09/1994	14TCĐC01	
22	14000018	Thái Thanh	Bình	Nam	11/05/1993	14TCĐC01	
23	14000020	Trần Thanh	Cường	Nam	10/12/1992	14TCĐC01	
24	14000023	Dương Nhật	Duy	Nam	18/06/1996	14TCĐC01	
25	14000025	Nguyễn Hoàng	Duy	Nam	08/08/1996	14TCĐC01	

STT	Mã học sinh	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
26	14000029	Trần Thanh	Hải	Nam	29/04/1995	14TCĐC01	
27	14000030	Võ Thanh	Hải	Nam	16/07/1996	14TCĐC01	
28	14000031	Bùi Văn	Hiếu	Nam	13/10/1992	14TCĐC01	
29	14000041	Lê Văn	Lễ	Nam	18/08/1992	14TCĐC01	
30	14000042	Đào Quốc	Lịch	Nam	02/01/1985	14TCĐC01	
31	14000043	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	20/04/1993	14TCĐC01	
32	14000044	Đinh Nguyễn Tấn	Luân	Nam	08/08/1993	14TCĐC01	
33	14000045	Đoàn Thanh	Minh	Nam	06/12/1996	14TCĐC01	
34	14000048	Đặng Trọng	Nghĩa	Nam	06/11/1996	14TCĐC01	
35	14000053	Nguyễn Tiến	Phi	Nam	13/10/1994	14TCĐC01	
36	13B3080052	Trần Nguyễn Chí	Phong	Nam	08/08/1994	14TCĐC01	
37	14000054	Trần Thanh	Phú	Nam	01/09/1996	14TCĐC01	
38	14000066	Phạm Văn	Thanh	Nam	08/02/1991	14TCĐC01	
39	14000073	Trần Hữu	Trí	Nam	19/08/1996	14TCĐC01	
40	14000077	Nguyễn Tài	Tuấn	Nam	14/01/1993	14TCĐC01	
41	14000078	Hồ Xuân	Tùng	Nam	28/02/1996	14TCĐC01	
42	14000081	Huỳnh Văn	Vinh	Nam	23/08/1995	14TCĐC01	
43	14000087	Nguyễn Văn	Chí	Nam	01/08/1996	14TCĐL01	
44	14000088	Trần Thế	Cường	Nam	06/08/1993	14TCĐL01	
45	14000089	Nguyễn Tiến	Danh	Nam	17/04/1995	14TCĐL01	
46	14000092	Trần Văn	Đoan	Nam	27/05/1996	14TCĐL01	
47	14000090	Huỳnh Hữu	Dũng	Nam	27/08/1994	14TCĐL01	
48	14000094	Trần Ngọc	Hải	Nam	05/01/1996	14TCĐL01	
49	14000096	Nguyễn Hữu	Hoan	Nam	10/04/1994	14TCĐL01	
50	14000099	Huỳnh Hoàng	Hưng	Nam	26/10/1990	14TCĐL01	
51	14000101	Nguyễn Bá	Huy	Nam	20/10/1995	14TCĐL01	
52	14000107	Lưu Bá	Linh	Nam	29/09/1994	14TCĐL01	
53	14000109	Nguyễn Thanh	Luyện	Nam	26/07/1996	14TCĐL01	
54	14000112	Nguyễn Văn	Nhí	Nam	01/01/1994	14TCĐL01	
55	14000113	Võ Minh	Nhật	Nam	25/01/1995	14TCĐL01	
56	14000117	Cao Thanh	Tân	Nam	12/11/1994	14TCĐL01	
57	14000119	Phạm Quốc	Thắng	Nam	02/02/1992	14TCĐL01	
58	14000122	Huỳnh Kiều	Thoại	Nam	09/08/1996	14TCĐL01	

THA
TRU
ĐANG
TƯ
PHO
10

STT	Mã học sinh	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
59	14000126	Nguyễn Hữu	Tín	Nam	06/12/1996	14TCĐL01	
60	14000131	Trương Văn Minh	Tuấn	Nam	21/01/1994	14TCĐL01	
61	14000133	Nguyễn Ngọc	Vũ	Nam	21/04/1993	14TCĐL01	
62	14000002	Nguyễn Quân	Đạt	Nam	11/07/1996	14TCĐT01	
63	14000005	Hoàng Đức	Lưu	Nam	12/04/1996	14TCĐT01	
64	14000006	Nguyễn Nhật	Nam	Nam	02/07/1996	14TCĐT01	
65	14000007	Lê Như	Thế	Nam	26/08/1994	14TCĐT01	
66	14000008	Nguyễn Ngọc Minh	Trí	Nam	03/11/1996	14TCĐT01	
67	14000010	Nguyễn Đức	Viên	Nam	22/02/1994	14TCĐT01	
68	14000014	Đinh Hiền	Vương	Nam	11/04/1995	14TCĐT01	
69	14000310	Nguyễn Ngọc	Dung	Nữ	29/06/1995	14TCMT01	
70	14000311	Trần Thị Phương	Duy	Nữ	11/05/1994	14TCMT01	
71	14000312	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	Nữ	20/05/1995	14TCMT01	
72	14000318	Chi Diễm	Huê	Nữ	23/03/1996	14TCMT01	
73	14000320	Nguyễn Thị Ánh	Kiều	Nữ	27/02/1995	14TCMT01	
74	14000322	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	20/10/1995	14TCMT01	
75	14000323	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	Nữ	08/11/1996	14TCMT01	
76	14000324	Nguyễn Thị	Lý	Nữ	10/08/1993	14TCMT01	
77	14000325	Dương Thị	Mơ	Nữ	15/12/1995	14TCMT01	
78	14000326	Đặng Thanh	Nam	Nam	19/10/1996	14TCMT01	
79	14000327	Lê Thị Anh	Nguyên	Nữ	30/01/1995	14TCMT01	
80	14000328	Nguyễn Ngọc Thu	Oanh	Nữ	28/01/1995	14TCMT01	
81	14000329	Nguyễn Thị Kim	Quỳnh	Nữ	10/12/1996	14TCMT01	
82	14000330	Nguyễn Thị Diễm	Sương	Nữ	29/11/1996	14TCMT01	
83	14000332	Lê Thị	Thắm	Nữ	27/01/1994	14TCMT01	
84	14000333	Nguyễn Thị Thu	Thắm	Nữ	02/01/1995	14TCMT01	
85	14000334	Bùi Thị Thu	Thảo	Nữ	01/02/1996	14TCMT01	
86	14000336	Phạm Thị	Thi	Nữ	08/05/1996	14TCMT01	
87	14000337	Nguyễn Chí Cao	Thông	Nam	22/06/1994	14TCMT01	
88	14000338	Đặng Thị Minh	Thùy	Nữ	31/08/1995	14TCMT01	
89	14000342	Trần Thị Thảo	Vy	Nữ	15/03/1994	14TCMT01	
90	14000206	Nguyễn Văn	Đô	Nam	31/08/1993	14TCÔT01	
91	14000203	Phạm Khắc	Dũng	Nam	04/08/1996	14TCÔT01	

STT	Mã học sinh	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
92	14000210	Bùi Đức	Hạnh	Nam	15/11/1993	14TCÔT01	
93	14000214	Sầm Thái	Hưng	Nam	30/01/1992	14TCÔT01	
94	14000218	Trịnh	Lâm	Nam	07/09/1992	14TCÔT01	
95	14001245	Trần Hoàng	Minh	Nam	27/11/1993	14TCÔT01	
96	14000224	Lê Văn	Nghĩa	Nam	24/05/1996	14TCÔT01	
97	14000228	Đỗ Minh	Phú	Nam	09/02/1995	14TCÔT01	
98	13B2250056	Nguyễn Đình Đại	Phú	Nam	25/12/1993	14TCÔT01	
99	14000229	Đinh Hoàng	Phúc	Nam	11/06/1994	14TCÔT01	
100	13B2250094	Trần Văn	Phúc	Nam	19/08/1995	14TCÔT01	
101	14000232	Phạm Tuấn	Sang	Nam	16/01/1995	14TCÔT01	
102	14000242	Nguyễn Vũ	Tô	Nam	03/08/1995	14TCÔT01	
103	14000244	Nguyễn Minh	Trí	Nam	16/10/1996	14TCÔT01	
104	14000245	Đặng	Trọng	Nam	08/04/1996	14TCÔT01	
105	14000246	Trần Trung	Trực	Nam	22/11/1993	14TCÔT01	
106	14000248	Ngô Tấn	Tú	Nam	27/11/1992	14TCÔT01	
107	14000250	Phạm Đình	Vinh	Nam	11/04/1996	14TCÔT01	
108	14000252	Tăng Hoàng	Vũ	Nam	26/02/1995	14TCÔT01	
109	14000262	Trần Quốc	Đạt	Nam	12/02/1987	14TCÔT02	
110	14000272	Trần Văn	Hòa	Nam	15/11/1995	14TCÔT02	
111	14000287	Nguyễn Hoàng	Phú	Nam	08/04/1996	14TCÔT02	
112	14000308	Nguyễn Hoàng Anh	Vũ	Nam	04/09/1994	14TCÔT02	
113	14000345	Nguyễn Vũ	Anh	Nam	25/01/1995	14TCQT01	
114	14000347	Nguyễn Quang	Đạt	Nam	25/12/1995	14TCQT01	
115	14000348	Võ Duy	Khánh	Nam	18/09/1994	14TCQT01	
116	14000349	Nguyễn Thanh	Lộc	Nam	29/08/1996	14TCQT01	
117	14000352	Phạm Chánh	Lý	Nam	19/06/1995	14TCQT01	
118	14000356	Thái Văn	Phú	Nam	03/03/1996	14TCQT01	
119	14000357	Nguyễn Minh	Phúc	Nam	24/12/1994	14TCQT01	

Tổng cộng danh sách có **119** học sinh.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



**DANH SÁCH HỌC SINH CÁC KHÓA CŨ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
DỰ THI LẠI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP**

Kỳ thi tháng 7/2016

(Kèm theo Quyết định số 900/QĐ-LTT-DT ngày 23 tháng 7 năm 2016
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	Nữ	LỚP	Môn thi			Ghi chú
							C.trị	LT	TH	
ĐIỆN CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG										
1	Nguyễn Minh	Hải	18/10/1992	Bình Thuận		12TC-Đ1	X	X	X	Lần 1 KDDK
2	Nguyễn Quốc	Hung	20/7/1994	Bình Phước		13TC-Đ1	X	X	X	Lần 1 KDDK
3	Phạm Văn	Được	27/02/1995	Quảng Ngãi		13TC-Đ1	X	X	X	Lần 1 KDDK
ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP										
4	Nguyễn Minh	Dương	30/01/1994	Bình Thuận		12TC-ĐT1		X		
5	Trần Giang	Hậu	14/04/1993	Bình Định		12TC-ĐT1		X		
BẢO TRÌ VÀ SỬA CHỮA ÔTÔ										
6	Vũ Nhật	Trường	10/01/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu		13TC-Ô	X	X	X	Lần 1 KDDK
7	Bùi Thanh	Tân	11/01/1994	Phú Yên		13TC-Ô	X	X	X	Lần 1 KDDK
QUẢN TRỊ MẠNG MÁY TÍNH										
8	Nguyễn Hoàng	Vương	13/12/1994	Ninh Thuận		12TC-QTM			X	
9	Huỳnh Văn	Dương	16/6/1994	Phú Yên		13TC-QTM			X	
10	Nguyễn Duy	Liêm	10/6/1995	Phú Yên		13TC-QTM	X	X	X	Lần 1 KDDK
11	Hà Minh	Mẫn	24/02/1991	Tây Ninh		13TC-QTM	X	X	X	Lần 1 KDDK

Tổng cộng danh sách có 11 học sinh.